

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2021

V/v tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình,
Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim Liên – Phó Chủ tịch liên đoàn Lao động thành phố L.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân – Cán bộ tư pháp phường X, thành phố L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 23/6D, khóm T 1, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 23/6D, khóm T 1, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2021, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Huỳnh Ngọc L sau thời gian tìm hiểu nhau về mặt tình cảm thì ông bà tổ chức lễ cưới vào tháng 7 năm 1986 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo Luật định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9 năm 1992 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không hợp nhau nên ông bà đã chính thức ly thân từ tháng 9 năm 1992 cho đến nay.

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Huỳnh Kim Ch, sinh ngày 10/01/1987; Huỳnh Thùy Tr, sinh ngày 16/6/1988 và Huỳnh Văn H, sinh ngày 28/12/1991. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ trình bày không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông L không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Về con chung, hiện nay 03 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Ngọc L đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông L đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn bà Đ có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 27/5/2021.

Bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc L nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn của vụ án là ông Huỳnh Ngọc L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 23/6D, khóm Đông Thịnh 1, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 BLTTDS nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông L không làm ảnh hưởng đến quyền L của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Bà Đ có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ trình bày, sau thời gian tìm hiểu nhau về mặt tình cảm thì bà và ông L tổ chức lễ cưới vào tháng 7 năm 1986 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo Luật định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9 năm 1992 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không hợp nhau nên ông bà đã chính thức ly thân từ tháng 9 năm 1992 cho đến nay.

Xét thấy, bà Đ và ông L có đủ điều kiện kết hôn theo Luật định nhưng ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng với nhau. Do đó, Tòa án căn cứ điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc Thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Đ và ông L là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông bà có 03 con chung tên Huỳnh Kim Ch, sinh ngày 10/01/1987; Huỳnh Thùy Tr, sinh ngày 16/6/1988 và Huỳnh Văn H, sinh ngày 28/12/1991. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này các bên chứng minh vợ chồng có tài sản chung trong thời hôn nhân mà không tự thỏa thuận phân chia được thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án khác.

Về quan hệ nợ chung: Bà Đ trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án cũng không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đ vẫn phải cùng ông L liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002850 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc Thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Đ với ông Huỳnh Ngọc L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002850 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang. Ông Huỳnh Ngọc L không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- CCTHADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thu

